

PHÁT TRIỂN KINH TẾ NÔNG THÔN THEO HƯỚNG BỀN VỮNG Ở NƯỚC TA HIỆN NAY

ThS. Nguyễn Năng Nam¹

TÓM TẮT

Phát triển KTNT là một bộ phận quan trọng của nền kinh tế quốc dân, có vai trò quan trọng hàng đầu bảo đảm duy trì sự sống của xã hội, sự ổn định, phát triển của đất nước trong mọi thời kỳ lịch sử. Phát triển KTNT, nâng cao đời sống vật chất tinh thần của dân cư nông thôn là điều kiện tiên quyết của mọi quá trình phát triển. Để phát triển KTNT phải tiến hành đổi mới, nâng cao trình độ, kỹ thuật sản xuất trong tất cả các ngành, nghề và thực hiện chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động theo hướng hiệu quả hợp lý, gắn với phân bố lại dân cư, hình thành các khu công nghiệp, đô thị ở nông thôn.

ABSTRACT

Rural economic development is an important part of the national economy. It plays the key role to ensure the social survival and the country's development in every period. Developing rural economy and raising rural residents' material and spirit life is the prerequisite condition for every development process. To develop our country's rural economy in the current situation, it is necessary to reform and improve science and technology application in all sectors; transit economic and labour structure effectively based on population distribution and the establishment of industrial parks and urban areas in rural areas.

1. Phát triển KTNT bền vững.

1.1. Phát triển KTNT.

Phát triển KTNT ở nước ta trong thời kỳ đẩy mạnh CNH, HĐH, chính là quá trình thúc đẩy sự phát triển nhanh, hiệu quả, theo hướng hiện đại và bền vững của các ngành nghề ở nông thôn trên cơ sở đổi mới công cụ, kỹ thuật sản xuất, ứng dụng khoa học và công nghệ (KH&CN) hiện đại và phương pháp sản xuất tiên tiến, thực hiện chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng sản xuất hàng hoá lớn, gắn với thị trường, phân công lại lao động, xây dựng cơ sở hạ tầng, quy hoạch lại khu vực dân cư một cách hợp lý với sự tham gia của nhiều thành phần kinh tế.

1.2. Mục tiêu, yêu cầu, nội dung của phát triển KTNT bền vững.

Phát triển KTNT bền vững là một tiêu chí để đánh giá sự phát triển. Phát

triển bền vững đòi hỏi phải bảo đảm ba mục tiêu; bền vững về kinh tế; xã hội; môi trường. Phát triển KTNT theo hướng bền vững ở nước ta hiện nay, cần kết hợp hài hòa giữa đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng của các ngành, nghề trong KTNT; gắn kết chặt chẽ giữa tăng trưởng kinh tế với thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, xóa đói giảm nghèo, giải quyết việc làm; bảo vệ môi trường sinh thái (nhất là xử lý, khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường), bảo đảm cho cư dân nông thôn có phương kế sinh sống bền vững và được sống trong hệ sinh thái lành mạnh ở cả hiện tại và tương lai. Trong đó, đạt được tốc độ tăng trưởng cao, ổn định, đáp ứng được yêu cầu nâng cao đời sống của nhân dân, tránh được sự suy thoái hoặc đình trệ trong tương lai là nội dung quan trọng của phát triển bền vững.

Việc gắn kết chặt chẽ phát triển kinh tế với thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội

¹Học viện Khoa học Quân sự, Bộ Quốc phòng, Hà Nội.

trong nông thôn làm cho mọi người có việc làm, có cơ hội phát triển, giảm tình trạng đói nghèo và khoảng cách giàu nghèo giữa các tầng lớp và nhóm xã hội, đời sống vật chất tinh thần ngày càng cao... được coi là mục đích của phát triển bền vững. Bảo vệ môi trường sinh thái, đa dạng sinh học, giữ gìn, phát triển được bản sắc văn hóa, xây dựng nền quốc phòng, an ninh vững mạnh... là điều kiện cho sự phát triển bền vững, cơ sở bảo đảm đáp ứng được các nhu cầu của cả hiện tại và tương lai.

Để phát triển KTNT bền vững, chúng ta cần thực hiện tốt một số nội dung sau: *Một là*, đổi mới, nâng cao trình độ kỹ thuật, ứng dụng các thành tựu khoa học - công nghệ hiện đại và phương pháp sản xuất tiên tiến vào các ngành nghề kinh tế ở nông thôn. *Hai là*, đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu KTNT theo hướng CNH, HĐH gắn với phát triển kinh tế tri thức. *Ba là*, phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần ở nông thôn. *Bốn là*, xây dựng hệ thống cơ sở hạ tầng KT - XH nông thôn gắn với quy hoạch lại các khu dân cư. *Năm là*, thực hiện tốt công tác xóa đói giảm nghèo, nâng cao đời sống vật chất, văn hoá tinh thần của cư dân nông thôn. *Sáu là*, thực hiện tốt công tác bảo vệ tài nguyên, môi trường sinh thái.

2. Thực trạng phát triển KTNT ở nước ta.

2.1. Thành tựu và nguyên nhân.

Hiện nay, ở nước ta trong tổng số 86 triệu người dân (kết quả điều tra dân số năm 2009) thì vẫn có tới 60,6 triệu người sống ở khu vực nông thôn, chiếm 70,4% tổng dân số. Trong tổng diện tích cả nước 331.051 km² thì đất nông nghiệp là 251.273 km² (chiếm tới 75,9%) bao gồm đất sản xuất nông nghiệp là 95.988 km², đất lâm nghiệp là 147.578 km², đất nuôi trồng thủy sản là 7.384 km² và đất ở tại

nông thôn là 5.151 km² (chiếm 81% tổng diện tích đất ở của cả nước)².

Trong giai đoạn 2005-2010, cả nước xuất khẩu gần 25 triệu tấn gạo, đạt kim ngạch trên 10 tỷ USD; vượt chỉ tiêu kế hoạch 5 năm bình quân 1 triệu tấn và 1,1 tỷ USD/năm. Giá trị gia tăng của ngành nông nghiệp bình quân đạt khoảng 3,7-4%/năm, vượt chỉ tiêu kế hoạch 5 năm Chính phủ đề ra 3 - 3,2%. An ninh lương thực quốc gia được đảm bảo và KTNT phát triển theo hướng tăng công nghiệp, dịch vụ, ngành nghề đã góp phần tạo việc làm và tăng thu nhập cho dân cư nông thôn. Cả nước hiện có gần 3.000 làng nghề với 1,4 triệu hộ, thu hút trên 11 triệu lao động; có 120.000 trang trại, quy mô ngày càng mở rộng, góp phần tích cực vào chuyển đổi cơ cấu sản xuất và tạo việc làm, tăng thu nhập cho lao động nông thôn³...

Quy mô thương mại nông-lâm-thủy sản ngày càng được mở rộng cả về thị trường và ngành hàng. Tiêu thụ nông lâm thủy sản trong nước được quan tâm hơn không chỉ về số lượng mà còn từng bước nâng cao về chất lượng. Nhiều sản phẩm chế biến có giá trị gia tăng cao, chất lượng cao, mẫu mã bao bì đẹp được tiêu thụ ngay tại thị trường trong nước như các sản phẩm chế biến từ cà phê, sản phẩm chè cao cấp, gạo chất lượng cao, thủy sản chế biến,... Tiêu thụ nông-lâm-thủy sản trong nước đã góp phần quan trọng trong cân đối cung cầu, góp phần bình ổn thị trường trong nước, nhất là đối với những mặt hàng thiết yếu phục vụ đời sống của nhân dân, bảo đảm đầu ra cho sản xuất nông nghiệp.

²TS Vũ Đình ánh, *Tìm lời giải cho tín dụng nông thôn*, <http://dddn.com.vn>, 16/08/2010.

³Phạm Hằng, *65 năm ngành Nông nghiệp Việt Nam*, Báo Điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam, 12/11/2010, <http://www.cpv.org.vn>

Bảng. Kết quả thực hiện một số chỉ số nâng cao năng lực cạnh tranh và hội nhập (1)

Chỉ số đánh giá	Đơn vị	Thực hiện				2010
		2006	2007	2008	2009	
1. Một số chỉ số kết quả						
Độ mở kinh tế ngành nông-lâm-thủy sản	%	79,3	84,3	80,0	80	80
Chỉ số giá người sản xuất (PPI) ngành nông nghiệp	%	127,2	145,1	202,6	203	203
Chỉ số giá xuất khẩu hàng lương thực, thực phẩm	%	106,6	110,8	126,0	126	126
Chỉ số giá nhập khẩu nguyên nhiên, vật liệu	%	105,3	106,0	127,1	127	127
Kim ngạch xuất khẩu	Triệu USD	10.613	13.235	16.475	14.000	15.200
Tốc độ tăng kim ngạch xuất khẩu nông-lâm-thủy sản	%	24,0	24,7	24,5	-5	8,6
GDP nông-lâm-thủy sản (Giá thực tế) bình quân lao động nông nghiệp	%	8,28	9,77	13,81	12,8	14,3

Bảng. Giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản từ năm 2000-2010 (%)

Năm	2000	2001	2002	2003	2004	2005	2006	2007	2008	2009	2010
	4,63	2,89	4,17	3,62	4,36	4,02	3,3	3,0	5,6	3	4,7

Nguồn: Tổng cục Thống kê, Niên Giám Thống kê hàng năm (2000-2010)

Hệ thống cơ sở nghiên cứu KH&CN được sắp xếp lại theo hướng nâng cao hiệu lực quản lý nghiên cứu KH&CN; Năm 2001, kinh phí từ nguồn vốn KH&CN nông nghiệp là 175 tỷ đồng, năm 2007 là 326 tỷ đồng, tốc độ tăng bình quân giai đoạn 2001-2007 là 10,92%/năm. Kinh phí đầu tư thiết bị cho các viện nghiên cứu cũng được chú trọng. Giai đoạn 2001-2005, tổng kinh phí đầu tư thiết bị nghiên cứu cho các viện nghiên cứu là 70,25 tỷ đồng và đầu tư xây dựng cơ bản là 248,124 tỷ đồng (chưa kể dự án giống và thủy lợi)... từng bước đáp ứng được nhu cầu cho nghiên cứu và tiếp cận với công nghệ tiên tiến trên thế giới⁴.

Cơ cấu kinh tế, lao động nông thôn đang có sự chuyển dịch cơ bản, theo hướng đa dạng hóa ngành nghề và đang dần phá thế thuần nông, tăng dần tỷ trọng công nghiệp, dịch vụ, giảm tỷ trọng nông nghiệp. Năm 2001 - 2008 tỷ lệ lao động nông nghiệp đã giảm từ 75,9% xuống còn 54,7%, lao động công nghiệp và dịch vụ tăng lên tương ứng. Hạ tầng nông nghiệp, nông thôn từng bước được cải thiện rõ rệt, đời sống vật chất và tinh thần của dân cư nông thôn được cải thiện góp phần to lớn vào xóa đói, giảm nghèo.

⁴PGS.TS.Bùi Bá Bổng, Khoa học và công nghệ phục vụ phát triển nông nghiệp-nông thôn, Tạp chí số 1.2010, <http://www.tchdnh.org.vn>.

Bảng. Kết quả thực hiện một số chỉ số phát triển hạ tầng nông nghiệp, nông thôn (2)

Chỉ số đánh giá	Đơn vị	Thực hiện				
		2006	2007	2008	2009	2010
1. Một số chỉ số kết quả						
Hiệu suất tưới thực tế so với năng lực tưới thiết kế	%	67,5	69,4	71,5	73,7	75,5
Hiệu suất tiêu thực tế so với năng lực tiêu thiết kế	%	85,4	86,0	86,7	87,5	88,2
Tỷ lệ diện tích canh tác cây hàng năm được tưới ổn định	%	60	61	63	64	65
Tỷ lệ diện tích canh tác cây hàng năm được tiêu ổn định	%	77,6	78,1	78,7	79,4	80
2. Một số chỉ số đầu ra						
Năng lực tưới tăng thêm	Ngàn ha	200	120	80	20	30
Năng lực tiêu tăng thêm	Ngàn ha	56	72	48	32	35
Năng lực ngăn mặn tăng thêm	Ngàn ha	31	38	41	40	42
Số Km đê sông được củng cố	Km	61	46	56	62	100
Số Km đê biển được củng cố	Km	50	45	50	130	225
Tổng công suất cảng, bến cá	Ngàn tàu	56	86			
Tổng công suất các khu neo đậu, tránh trú bão	Ngàn tàu	17,5	20,5			

Bảng. Kết quả thực hiện một số chỉ số phát triển nông thôn xóa đói giảm nghèo (3)

Chỉ số đánh giá	Đơn vị	Thực hiện				
		2006	2007	2008	2009	2010
1. Một số chỉ số kết quả						
Tỷ lệ hộ nghèo nông thôn	%	18	17,7	16,2	15	14
Tỷ lệ hộ nông thôn có nước sạch	%	66	70	75	79	83
Tỷ lệ hộ dân nông thôn có hồ xí hợp vệ sinh	%	52	54	56	59	64
Tỷ lệ hộ nông thôn có nhà kiên cố và bán kiên cố	%	73,6		75,8		
Tỷ lệ hộ nông thôn dùng điện	%	90,2		94,2		

Nhận thức về bảo vệ tài nguyên, môi trường sinh thái của các tầng lớp dân cư nông thôn được nâng lên rõ rệt. Phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng môi trường văn hoá, xanh sạch đẹp ngày càng được mở rộng ở các vùng nông thôn và đi vào chiều sâu. Việc ngăn ngừa, khắc phục sự suy thoái môi trường đất, môi trường nước được chú trọng hơn. Nhiều địa phương đã nhân rộng phong trào ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật trong sản xuất. Các văn bản pháp lý liên quan đến bảo vệ tài nguyên, môi trường đang dần được hoàn thiện và phát huy tác dụng trên thực tế. Từ năm 2006 đến năm 2009, đã huy động 14.687 tỷ đồng đầu tư cho Chương trình mục tiêu quốc gia Nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn, trong đó: ngân sách trung ương 1.753 tỷ đồng, ngân sách lồng ghép 1.716 tỷ đồng, viện trợ quốc tế 2.232 tỷ đồng, tín dụng ưu đãi 6.139 tỷ đồng, dân đóng góp 2.847 tỷ đồng. Kết quả mỗi năm tăng thêm 1,6 - 2 triệu người được cung cấp nước hợp vệ sinh, nâng tỷ lệ dân nông thôn có nước hợp vệ sinh từ 62% năm 2005 lên 75% năm 2008 (4)⁵.

Kết quả trên cho thấy, trong những năm qua, KTNT nước ta thực sự có bước phát triển khá toàn diện, góp phần quan trọng nâng cao đời sống của nhân dân; giữ vững ổn định chính trị-xã hội; tạo ra các tiền đề kinh tế, chính trị, xã hội cần thiết để đẩy mạnh CNH, HĐH đất nước và là một nhân tố quan trọng khắc phục sự suy giảm và chống khủng hoảng kinh tế ở nước ta thời gian qua. Đạt được những thành tựu đó, trước hết là do Đảng và Nhà nước ta luôn đề ra được đường lối, chính sách phát triển KTNT đúng đắn, phù hợp với từng giai đoạn lịch sử, thông qua đó động viên được các tầng lớp dân cư nông thôn hăng hái lao động sản xuất, vượt qua khó khăn,

góp phần tích cực vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; sự linh hoạt, năng động của các thành phần kinh tế và các tầng lớp dân cư nông thôn là nguyên nhân trực tiếp dẫn đến thành tựu đã đạt được; những thành tựu đạt được trong công cuộc đổi mới của đất nước là điều kiện, hỗ trợ thúc đẩy sự phát triển của KTNT nước ta trong thời gian qua.

2.2. Hạn chế và nguyên nhân.

Bên cạnh những thành tựu đã đạt được, nhìn một cách tổng quát, KTNT nước ta hiện nay vẫn là địa bàn kinh tế phát triển chậm, chưa bền vững. Cụ thể là, lực lượng lao động qua đào tạo chỉ chiếm dưới 10%, dân trí và nhân lực thấp hơn 10 lần so với khu vực khác; trên 80% hộ nghèo trong cả nước tập trung ở khu vực này. Đầu tư cho nông nghiệp năm 2009 chỉ bằng 6,26% tổng đầu tư cho xã hội, trong khi GDP của ngành nông nghiệp là 20,91%. Trước đó, năm 2008, tỷ trọng đầu tư cho nông nghiệp là khoảng 6,45%; năm 2005 chiếm 7,5%; năm 2000 chiếm 13,85% đầu tư. Như vậy, đầu tư từ ngân sách Nhà nước cho nông nghiệp ngày càng giảm. Nông nghiệp cũng không phải là lĩnh vực hấp dẫn đối với các nhà đầu tư trong và ngoài nước. Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vào nông nghiệp chỉ chiếm tỷ trọng nhỏ và ngày càng có xu hướng giảm⁶.

Số liệu điều tra của Cục Thống kê năm 2007 cho thấy, trong tổng số lao động nông nghiệp, chỉ có 1,35% có trình độ sơ cấp, công nhân kỹ thuật; 0,89% có trình độ trung cấp; 0,13% trình độ cao đẳng; 0,11% có trình độ đại học và trên đại học⁷. Đội ngũ cán bộ làm nông nghiệp, nông thôn cũng chỉ có 9% là đại học, cao đẳng; 39,4% là trung cấp, 9,8% là sơ cấp. Do đó, đào tạo nghề cho lực lượng lao động nông thôn bao gồm cả người trực tiếp sản xuất

⁵(1,2,3,4). Nguồn: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Kế hoạch 5 năm 2011-2015 ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn, Hà Nội, tháng 8 năm 2009

⁶Lê Bình, Tăng vốn đầu tư cho nông nghiệp, nông thôn, Báo Điện tử Đại biểu Nhân dân, 10/11/2010, www.daibieunhandan.vn.

⁷Tổng cục Thống kê, Kết quả tổng điều tra nông thôn, nông nghiệp và thủy sản năm 2006, Nxb Thống kê, Hà Nội, 2007, tr.29.

và các cán bộ làm công tác khuyến nông, cán bộ lãnh đạo nông nghiệp, nông thôn là vấn đề cấp thiết và cần có hệ thống giải pháp đồng bộ. Năm 2010, tỷ lệ lao động khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản giảm từ 51,9% năm 2009 xuống 48,2%. Tỷ lệ thất nghiệp của lao động trong độ tuổi là 2,88%, trong đó khu vực thành thị là 4,43%, khu vực nông thôn là 2,27% (Năm 2009 các tỷ lệ tương ứng là: 2,9%; 4,6%; 2,25%). Tỷ lệ thiếu việc làm năm 2010 của lao động trong độ tuổi là 4,50%, trong đó khu vực thành thị là 2,04%, khu vực nông thôn là 5,47% (Năm 2009 các tỷ lệ tương ứng là: 5,61%; 3,33%; 6,51%)⁸.

Đời sống vật chất, tinh thần của người dân nông thôn còn nhiều khó khăn, khoảng cách chênh lệch so với mức sống và thu nhập của cư dân thành thị có xu hướng dẫn ra nhiều hơn. Trên nhiều vùng nông thôn xu hướng tái nghèo đang trở thành nguy cơ hiện hữu. Chênh lệch về thu nhập và mức sống giữa nông thôn và thành thị, giữa các vùng tuy đã được rút ngắn nhưng vẫn còn lớn: năm 2002 là 2,26 lần, năm 2004 là 2,16 lần, năm 2006 là 2,09 lần. Ngay trong nông thôn, khoảng cách giữa nhóm 20% người giàu và 20% người nghèo nhất tiếp tục dẫn ra, năm 2002 là 6 lần, năm 2004 là 6,4 lần và năm 2006 là 6,5 lần. Phát triển cơ sở hạ tầng ở nhiều vùng nông thôn chưa đáp ứng được yêu cầu chuyển đổi cơ cấu kinh tế, nâng cao đời sống của người dân, nhất là ở các vùng miền núi (đặc biệt là giao thông, thủy lợi, thông tin liên lạc).

Đưa đến tình trạng trên là do xuất phát điểm KTNT nước ta thấp, trong khi nguồn lực của Nhà nước và nhân dân còn rất hạn hẹp. Nông dân nước ta còn nghèo, trình độ dân trí thấp nên gặp nhiều khó khăn trong việc trang bị máy móc, thiết bị và áp dụng thành tựu KH-CN mới vào sản xuất. Nhận thức của một bộ phận cán bộ đảng viên và

một số ngành, địa phương về yêu cầu tiếp tục thúc đẩy phát triển KTNT theo hướng bền vững chưa đủ và sâu sắc nên chưa có sự quan tâm chỉ đạo đủ mạnh để thực hiện; thậm chí có nơi có tư tưởng thỏa mãn, lơ là lỏng. Quy mô sản xuất nông nghiệp chủ yếu là sản xuất nhỏ, vẫn mang nặng tính tự cung, tự cấp. Tăng trưởng trong sản xuất nông nghiệp chủ yếu là nhờ phát triển theo chiều rộng, bằng phương pháp mở rộng diện tích gieo trồng hoặc tăng vụ, chứ không phải nhờ vào kỹ thuật thâm canh. Sử dụng nguồn tài nguyên rừng còn lãng phí, do công tác quy hoạch, bảo vệ, khai thác còn nhiều bất cập. Phát triển các ngành nghề, làng nghề mới, các loại hình dịch vụ ở nông thôn gặp nhiều khó khăn, nhất là ngành công nghiệp chế biến sản phẩm nông nghiệp và dịch vụ KH-CN...

Ngoài ra, chúng ta chưa nhận thức đầy đủ về vị trí vai trò của KTNT đối với quá trình xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, nhiều chủ trương chính sách còn bất cập so với thực tiễn, chưa hình thành một cách có hệ thống các quan điểm lý luận về phát triển KTNT. Cơ chế, chính sách phát triển KTNT thiếu tính đồng bộ, thiếu tính đột phá; một số chủ trương, chính sách không hợp lý, thiếu tính khả thi nhưng chậm được điều chỉnh, bổ sung kịp thời. Nhiều chính sách được đưa ra không phản ánh đúng sự vận động của tình hình thực tế. Vai trò của các cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể quần chúng trong việc thực hiện đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước về nông nghiệp, nông thôn ở nhiều địa phương còn hạn chế.

3. Giải pháp phát triển KTNT bền vững ở nước ta trong điều kiện hiện nay.

3.1. Đổi mới, nâng cao trình độ kỹ thuật, ứng dụng các thành tựu khoa học - công nghệ hiện đại và phương pháp sản xuất tiên tiến vào các ngành nghề kinh tế ở nông thôn.

⁸Tổng cục Thống kê, Thông cáo báo chí về số liệu thống kê kinh tế-xã hội năm 2010, <http://www.gso.gov.vn>.

Quá trình cơ khí hóa, điện khí hóa, thủy lợi hóa, ứng dụng các thành tựu khoa học, công nghệ, nhất là công nghệ sinh học phải được thực hiện ở tất cả các khâu, các bước sản xuất nông nghiệp. Trong đó cần coi trọng: đẩy mạnh nghiên cứu và chuyển giao khoa học - công nghệ, nhất là giống và kỹ thuật sản xuất; tăng cường hệ thống khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư,... để tạo đột phá về năng suất, chất lượng, hiệu quả trong nông, lâm, ngư nghiệp; coi trọng áp dụng công nghệ cao để sản xuất nông sản, thực phẩm sạch theo tiêu chuẩn quốc tế, nâng cao khả năng phòng trừ dịch bệnh đối với cây trồng vật nuôi. Đổi mới nâng cao trình độ sản xuất các ngành nghề trong KTNT phải kết hợp áp dụng công nghệ nhiều tầng, kết hợp giữa công nghệ truyền thống và công nghệ hiện đại; đồng thời đa dạng hoá về quy mô, phạm vi, bảo đảm sự phù hợp với từng ngành, từng vùng.

3.2. Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu KTNT theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá gắn với phát triển kinh tế tri thức.

Quá trình phát triển nông nghiệp phải hình thành được các vùng sản xuất nông nghiệp hàng hoá tập trung, chuyên canh lớn gắn với sự phát triển của các ngành công nghiệp chế biến, sản xuất nông cụ và dịch vụ nông nghiệp và gắn với nhu cầu thực tế của thị trường cả trong nước và ngoài nước. Đồng thời, cần coi trọng phát triển lâm nghiệp toàn diện, bền vững và đẩy mạnh nuôi trồng, đánh bắt thủy sản nâng dần tỷ trọng của ngành lâm nghiệp và thủy sản ngày càng lớn trong tổng giá trị của ngành nông nghiệp.

Phát triển mạnh các ngành nghề, làng nghề theo hướng sản xuất hàng hoá gắn với tạo việc làm, giải quyết việc làm ngay tại địa bàn nông thôn; Thực hiện đưa công nghiệp về nông thôn, hình thành các cụm công nghiệp, khu công nghiệp, điểm công nghiệp trên địa bàn nông thôn. Các ngành công nghiệp chế

biến phải gắn với vùng nguyên liệu. Phát triển mạnh mẽ các loại hình dịch vụ ở nông thôn để đáp ứng yêu cầu phát triển của kinh tế hàng hoá. Thực hiện có hiệu quả việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế vùng theo hướng hình thành các vùng sản xuất lương thực, vùng trồng rau, cây ăn quả, cây công nghiệp, các khu nuôi trồng thủy sản tập trung, dựa trên đặc điểm sinh thái và lợi thế so sánh của từng vùng. Tạo được sự gắn kết giữa các vùng nhằm bảo đảm được sự chuyên canh tập trung cao và phục vụ cho sự phát triển của công nghiệp chế biến và dịch vụ phát triển ổn định, bền vững.

3.3. Phát triển nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần ở nông thôn.

Trong quá trình phát triển vừa phải tôn trọng, thừa nhận sự tồn tại khách quan của các thành phần kinh tế, vừa tạo điều kiện cho các thành phần kinh tế cùng phát triển lâu dài, hợp tác và cạnh tranh lành mạnh, theo pháp luật. Trong đó, chúng ta phải coi trọng phát triển thành phần kinh tế nhà nước, sắp xếp, đổi mới, thực hiện đa dạng hoá các loại hình doanh nghiệp nhà nước trong KTNT; bảo đảm cho các doanh nghiệp nhà nước hoạt động hiệu quả, giữ được vai trò chủ đạo và định hướng XHCN trong phát triển KTNT.

Mặt khác, chúng ta phải phát triển mạnh các loại hình hợp tác và kinh tế tập thể trong tất cả các ngành nghề ở nông thôn, nhất là trong nông nghiệp, thủ công nghiệp nhằm từng bước thiết lập quan hệ sản xuất mới ở nông thôn với các nấc thang, hình thức phù hợp và từng bước khắc phục tình trạng sản xuất nhỏ mang tính tiểu nông. Chú trọng phát triển kinh tế hộ gia đình, theo hướng tăng nhanh các hộ phi nông nghiệp... Có cơ chế chính sách ưu đãi phù hợp, thể chế pháp lý minh bạch, rõ ràng để khuyến khích các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế đầu tư vào phát triển KTNT.

3.4. Xây dựng hệ thống cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn gắn với quy hoạch lại các khu dân cư.

Đẩy mạnh xây dựng mạng lưới giao thông nông thôn, cả đường bộ, đường sông, đường thủy, bảo đảm đáp ứng được yêu cầu phát triển KT - XH nông thôn. Đặc biệt, cần phải quan tâm thỏa đáng đến đầu tư phát triển mạng lưới giao thông ở các vùng miền núi, vùng sâu, vùng xa; Cải tạo, nâng cấp và xây dựng mới các công trình thủy lợi, gắn với phát triển thủy điện, bảo đảm đủ nước cho gieo trồng theo mùa vụ và chống úng lụt, ngăn mặn hiệu quả; Phát triển nguồn điện với cơ cấu hợp lý, hoàn chỉnh hệ thống truyền tải, bảo đảm sự vận hành an toàn, hiệu quả, đáp ứng đủ điện cho yêu cầu phát triển ở tất cả các vùng nông thôn; Hoàn chỉnh hệ thống bưu chính viễn thông, xây dựng kết cấu hạ tầng thông tin hiện đại, ổn định, đồng bộ, bảo đảm cho cư dân nông thôn được hưởng thành quả từ các dịch vụ thông tin hiện đại một cách bình đẳng; Quy hoạch lại các khu vực dân cư theo hướng xây dựng cộng đồng xã hội dân cư nông thôn ổn định, xây dựng nông thôn mới văn minh hiện đại... Đồng thời chú trọng sự điều chỉnh, phân bố dân cư giữa các vùng, miền của cả nước. Xây dựng các cụm bản làng mới, ổn định lâu dài ở các vùng biên giới, hải đảo, các vùng sâu, vùng xa.

3.5. Đẩy mạnh công tác xóa đói giảm nghèo, nâng cao đời sống vật chất, văn hoá, tinh thần của cư dân nông thôn, thực hiện tốt công tác bảo vệ tài nguyên, môi trường sinh thái.

Quá trình phát triển KTNT phải gắn kết chặt giữa phát triển kinh tế với hạn chế và ngăn chặn sự xung đột về lợi ích trong nội bộ nông thôn và giữa nông thôn và thành thị. Để đạt yêu cầu này, một mặt phải thừa nhận sự chênh lệch về lợi ích là một tất yếu kinh tế; mặt khác không để sự chênh lệch ấy dẫn đến đối kháng về lợi ích bằng các chính sách kinh tế, chính sách xã hội và bằng pháp luật. Bảo đảm cho mọi người đều có cơ hội được lao động, được

hưởng thành quả lao động của mình và thành tựu phát triển của xã hội.

Tăng cường biện pháp chống suy thoái đất; sử dụng tiết kiệm, có hiệu quả và bền vững tài nguyên đất trên cơ sở áp dụng các mô hình canh tác hợp lý trên từng loại địa hình, loại đất và từng vùng sinh thái. Thực hiện quy hoạch và phân loại các loại rừng: phòng hộ, đặc dụng, sản xuất cho từng địa phương và trên phạm vi cả nước theo hướng phát triển bền vững. Nâng cao nhận thức về giá trị đầy đủ của rừng, bao gồm lợi ích kinh tế, lợi ích sinh thái và các giá trị phi sử dụng khác; Bảo vệ và sử dụng bền vững nguồn tài nguyên nước, có biện pháp khai thác và quản lý các nguồn nước hợp lý để hạn chế tình trạng thất thoát lãng phí cũng như nguy cơ ô nhiễm và cạn kiệt nguồn nước. Tăng cường công tác nghiên cứu thu thập và bảo tồn nguồn gen giống cây nông nghiệp, cây lâm nghiệp và các vật nuôi ở địa phương nhằm tăng tính đa dạng sinh học. Xử lý tốt nguồn nước thải và các chất thải, nhất là chất thải từ các cơ sở sản xuất công nghiệp, chất thải nguy hại. Khắc phục tình trạng xuống cấp môi trường ở các lưu vực sông, đô thị, khu công nghiệp, các làng nghề, nơi đông dân cư và có nhiều hoạt động kinh tế.

Ngoài ra, cần phải có những thông tin đầy đủ, cập nhật liên tục cho người nông dân trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm tránh tình trạng nông dân bị ép giá. Cùng với đó, các cơ quan quản lý nhà nước cần tăng cường phát huy vai trò là cầu nối giữa doanh nghiệp và nông dân; đưa ra những quy định cụ thể, chặt chẽ hơn trong quan hệ kinh tế giữa doanh nhân với nông dân. Tạo điều kiện cho các doanh nghiệp nông nghiệp về thủ tục thành lập, thuê đất, giải phóng mặt bằng, vay vốn, liên kết sản xuất kinh doanh, tìm kiếm và xử lý thông tin thị trường. Có chính sách ưu tiên các dự án của doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực chế biến nông sản; phục hồi, phát triển làng nghề truyền thống nông thôn; thu hút, sử dụng lao động nông thôn...

KẾT LUẬN

Phát triển KTNT là quá trình vận động tiến lên từ thấp đến cao, do sự vận động, chuyển hoá của chính những nhân tố cấu thành KTNT. Biểu hiện trực tiếp để đánh giá sự phát triển của KTNT là sự tăng trưởng giá trị sản xuất và giá trị gia tăng hàng năm của các ngành nghề, lĩnh vực trong KTNT... Để phát triển KTNT phải tiến hành đổi mới, nâng cao trình độ, kỹ thuật sản xuất trong tất cả các ngành, nghề và thực hiện chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động theo hướng hiệu quả hợp lý, gắn với phân bố lại dân cư, hình thành các khu công nghiệp, đô thị ở nông thôn. Phát triển KTNT là một bộ phận quan trọng của nền kinh tế quốc dân, có vai trò quan trọng hàng đầu bảo đảm duy trì sự sống của xã hội, sự ổn định, phát triển của đất nước trong mọi thời kỳ lịch sử. Phát triển KTNT, nâng cao đời sống vật chất tinh thần của dân cư nông thôn là điều kiện tiên quyết của mọi quá trình phát triển.

KTNT có phát triển, năng suất lao động nông nghiệp có tăng lên mới tạo ra được lực lượng lao động dồi dào bổ sung cho công nghiệp; mới tạo ra được thặng dư để thực hiện CNH, HĐH đất nước; giữ vững được an ninh lương thực quốc gia và sự bình ổn của giá lương thực, thực phẩm, của tiền lương thực tế, sự ổn định về chính trị - xã hội, củng cố lực lượng, tiềm lực và thế trận của nền quốc phòng. Nước ta vốn là một nước nông nghiệp, kinh tế chưa phát triển, dân cư nông thôn vẫn chiếm đại đa số dân cư cả nước, tiềm năng phát triển KTNT rất lớn, chưa được khai thác, sử dụng hiệu quả. Để giải phóng và phát huy mọi tiềm năng của kinh tế nông thôn phục vụ sự nghiệp CNH, HĐH đất nước, nâng cao đời sống vật chất của dân cư nông thôn, tất yếu phải đẩy nhanh phát triển KTNT ở nước ta hiện nay.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban Tư tưởng - Văn hoá Trung ương (2007), *Việt Nam - WTO, Những cam kết liên quan đến nông dân, nông nghiệp, nông thôn và doanh nghiệp*, Nxb CTQG, Hà Nội.
2. Nguyễn Văn Bích (1994), *Đổi mới quản lý kinh tế nông nghiệp thành tựu vấn đề và triển vọng*, Nxb CTQG, Hà Nội.
3. Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2006), *Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2006 - 2010*, Hà Nội.
4. Trần Xuân Châu (2003), *Phát triển nền nông nghiệp hàng hoá ở Việt Nam thực trạng và giải pháp*, Nxb CTQG, Hà Nội.
5. Đảng Cộng sản Việt Nam (2008), *Văn kiện Hội nghị lần thứ Bảy Ban chấp hành Trung ương khoá X*, Nxb CTQG, Hà Nội.
6. Hoàng Ngọc Hoà (2008), *Nông nghiệp, nông dân, nông thôn trong quá trình đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước*, Nxb CTQG, Hà Nội.
7. Lê Quang Phi (2007), *Đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn trong thời kỳ mới*, Nxb CTQG, Hà Nội.
8. Viện Quản lý kinh tế Trung ương (2006), *Những chủ trương và biện pháp mới trong giai đoạn 2006 - 2010 về công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn*, Trung tâm thông tin - Tư liệu (CIEM).